

GIỖ – KỶ – KỶ NHẬT – GIỖ CHẠP LÀ GÌ?

Vì sao người Việt dùng nhiều cách gọi khác nhau để tưởng nhớ người đã khuất?

Michel Nguyễn Hạnh

Phó Trưởng Ban Từ Vực Hán Nôm Công Giáo

Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –

Thành viên Ủy ban Văn hóa

Trong đời sống gia đình Việt Nam, ngày mất của ông bà, cha mẹ và những người thân thương được ghi nhớ qua nhiều thế hệ. Đến ngày ấy, con cháu dù ở gần hay xa cũng cố gắng trở về, sửa soạn hương hoa, cơm nước, tưởng nhớ người quá cố và gặp gỡ bà con thân thuộc. Người ta gọi đó là **ngày giỗ**, **ngày kỷ**, **kỷ nhật**, hoặc nói rộng hơn là **giỗ chap**. Những cách gọi này gần gũi đến mức ai cũng hiểu đại khái, nhưng khi tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa của từng từ, chúng ta sẽ nhận ra đằng sau những tiếng nói quen thuộc ấy là cả một truyền thống lâu đời về đạo hiếu, lễ nghi và cách ứng xử giữa người sống với người đã khuất.

Đối với người Công giáo Việt Nam, việc tìm hiểu các thuật ngữ này còn có một ý nghĩa đặc biệt, bởi *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* (2025) đặt ra nhu cầu nhận diện chính xác những thực hành thuộc truyền thống văn hóa dân tộc, đồng thời phân biệt lòng hiếu kính đối với tổ tiên với việc thờ phượng chỉ dành riêng cho Thiên Chúa. Muốn hiểu đúng việc giỗ chap, trước hết cần hiểu các từ ngữ mà cha ông đã sử dụng.

1. GIỖ – TỪ THUẦN VIỆT GẮN LIỀN VỚI ĐẠO HIẾU

Giỗ là từ quen thuộc nhất trong tiếng Việt để chỉ ngày kỷ niệm một người qua đời, cũng như những việc gia đình tổ chức vào ngày ấy nhằm tưởng nhớ người đã khuất. Tùy cách nói, chúng ta có *ngày giỗ*, *làm giỗ*, *cúng giỗ*, *ăn giỗ*, *giỗ cha*, *giỗ mẹ* hoặc *giỗ ông bà*. Trong đó, ngày giỗ nhấn mạnh thời điểm tưởng niệm, làm giỗ chỉ việc tổ chức lễ nghi và sinh hoạt gia đình, còn ăn giỗ nói đến việc bà con, thân thuộc cùng tham

dự bữa cơm nhân ngày tưởng nhớ người quá cố.

Trong *Đại Nam quốc âm tự vị* của Paulus Huỳnh Tịnh Của, tập I, trang 379, xuất bản tại Sài Gòn năm 1895. Mục từ **giỗ**, viết bằng chữ Nôm 嘔: “Kì cơm, cúng cơm cho vong hồn, làm lễ giáp năm; lễ cúng cơm cho người chết mà nhắc việc cấp dưỡng như khi còn sống.”

Định nghĩa này giúp chúng ta hiểu một nét rất sâu sắc trong phong tục giỗ của người Việt: người sống tưởng nhớ người đã khuất bằng những cử chỉ vốn gắn liền với việc chăm sóc khi người ấy còn sống. Khi cha mẹ còn hiện diện, con cái phụng dưỡng bằng cơm nước, thuốc men và sự quan tâm hằng ngày; khi cha mẹ qua đời, những cử chỉ ấy được chuyển thành nghi thức tưởng niệm, trong đó mâm cơm ngày giỗ mang ý nghĩa nhắc nhớ công ơn sinh thành, dưỡng dục và tình cảm gia đình.

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa ý nghĩa văn hóa của việc dâng cơm tưởng niệm với những quan niệm tín ngưỡng cho rằng người chết thực sự trở về hưởng dùng thức ăn. Một phong tục có thể được thực hành trong những hệ thống niềm tin khác nhau, và việc tìm hiểu nguồn gốc của phong tục không có nghĩa là mọi người tham dự đều phải chấp nhận cùng một cách giải thích về thế giới bên kia.

Để làm rõ nền tảng đạo hiếu của việc tưởng nhớ người đã khuất, trong *Hiếu kinh* (孝經), chương *Tang thân* (喪親):

生事愛敬, 死事哀戚。

Sinh sự ái kính, tử sự ai thích.

Nghĩa là: Khi cha mẹ còn sống thì phụng dưỡng bằng lòng yêu thương và kính trọng; khi cha mẹ qua đời thì đối đãi bằng lòng thương tiếc.

Đây là một cách diễn tả súc tích sự liên tục của đạo hiếu. Lòng hiếu thảo không chấm dứt khi cha mẹ qua đời, nhưng chuyển từ việc trực tiếp phụng dưỡng sang tưởng nhớ, gìn giữ gia phong và sống xứng đáng với công ơn của các bậc sinh thành. Chính trong ý nghĩa ấy, ngày giỗ trở thành một dịp để con cháu thực hành lòng biết ơn, chứ không đơn thuần là một cuộc sum họp có ăn uống.

Cũng cần nói rõ rằng *Hiếu kinh* cung cấp cơ sở tư tưởng cho việc tưởng niệm tổ tiên trong truyền thống Nho giáo, nhưng không vì thế mà có thể kết luận từ tiếng Việt giỗ trực tiếp phát sinh từ sách này. Nguồn gốc của một phong tục và nguồn gốc của một từ ngữ là hai vấn đề khác nhau, cần được khảo cứu bằng những phương pháp khác nhau.

2. KỶ – TỪ Ý NGHĨA KIÊNG TRÁNH ĐẾN NGÀY TƯỞNG NIỆM

Khác với **giỗ** là một từ thuần Việt, **kỷ** là âm Hán Việt của chữ 忌, có những nghĩa căn bản như kiêng tránh, e ngại, dè chừng hoặc điều không nên phạm đến. Trong đời sống thường ngày, ý nghĩa ấy vẫn còn hiện diện qua các từ *kiêng kỵ*, *đố kỵ*, *kỵ hủ*.

Vậy tại sao một chữ vốn có nghĩa là kiêng tránh lại được dùng để chỉ ngày mất của người thân?

Trong truyền thống lễ nghi Nho giáo, ngày cha mẹ qua đời là một ngày đặc biệt, khiến con cái nhớ lại sự mất mát và không thể vui chơi như những ngày bình thường. Chữ **kỷ** vì thế không chỉ gắn với sự kiêng tránh bên ngoài, mà còn diễn tả một thái độ nội tâm: trong ngày ấy, người con dành lòng mình cho việc tưởng nhớ và thương tiếc.

Sách *Lễ ký* (禮記), thiên *Tế nghĩa* (祭義), có câu:

君子有終身之喪，忌日之謂也。

Quân tử hữu chung thân chi tang, kỷ nhật chi vị dã.

Có thể hiểu rằng người quân tử có một nỗi tang theo suốt đời, chính là điều được nói đến qua ngày kỷ.

Câu này không có nghĩa là con cái phải sống trong cảnh tang chế suốt đời, mà nhấn mạnh rằng dù thời gian chịu tang theo lễ nghi đã kết thúc, lòng thương nhớ cha mẹ vẫn tiếp tục tồn tại. Mỗi năm, ngày mất lại trở thành dịp khơi dậy tình cảm ấy.

Bởi vậy, khi người Việt nói *hôm nay là ngày kỷ của ông nội* hoặc *nhà có kỷ*, chữ **kỷ** đã được sử dụng với nghĩa chuyên biệt là ngày tưởng niệm người qua đời. Trong cách dùng thông thường, *ngày kỷ* và *ngày giỗ* gần như đồng nghĩa, mặc dù sắc thái ngôn ngữ có phần khác nhau: **giỗ** gần

gũi, phổ biến trong lời ăn tiếng nói, còn **kỵ** thường mang vẻ trang trọng và cổ kính hơn.

3. KỶ NHẬT – NGÀY MẤT ĐƯỢC GHI NHỚ TRONG LỊCH GIA ĐÌNH

Kỵ nhật viết bằng chữ Hán là 忌日, gồm *kỵ* (忌), nghĩa là ngày cần giữ lòng tưởng nhớ và dè dặt trong sinh hoạt, cùng với *nhật* (日), nghĩa là ngày. Ghép lại, *kỵ nhật* chỉ ngày mất của một người, đặc biệt là ngày mất được con cháu ghi nhớ và tưởng niệm hằng năm.

Trong tiếng Việt, người ta thường nói *ngày giỗ* hơn là *kỵ nhật*, nhưng trong gia phả, văn bản Hán Nôm, bài vị, sổ ghi ngày mất hoặc những ghi chép mang tính lễ nghi, từ *kỵ nhật* vẫn có giá trị riêng vì tính trang trọng và chính xác.

Cần phân biệt *ngày mất* với *ngày giỗ* ở phương diện sử dụng. *Ngày mất* là thời điểm một người qua đời, được ghi nhận như một sự kiện trong tiểu sử; còn *ngày giỗ* là ngày gia đình lấy sự kiện ấy làm mốc để tưởng niệm hằng năm. Hai ngày thường trùng nhau theo lịch mà gia đình sử dụng, nhưng ý nghĩa ngôn ngữ không hoàn toàn giống nhau: một bên nghiêng về sự kiện, một bên nghiêng về việc tưởng nhớ.

Bên cạnh *kỵ nhật*, thư tịch và cách nói truyền thống còn gặp *kỵ thần* (忌辰). Chữ *thần* (辰) ở đây chỉ thời điểm, ngày tháng; vì thế *kỵ thần* cũng có nghĩa là ngày mất được ghi nhớ. Trong một số ngữ cảnh còn gặp *húy nhật* (諱日), với chữ *húy* (諱) gắn với việc tránh gọi trực tiếp tên của người đáng kính hoặc người đã khuất.

Các từ này có những sắc thái lịch sử và lễ nghi khác nhau, không nên đồng nhất hoàn toàn về mặt từ nguyên, dù trong thực tế đều có thể được dùng để nói về ngày tưởng niệm người quá cố.

Một chi tiết đáng lưu ý là người Việt thường **tính ngày giỗ theo âm lịch**, vì đó là hệ thống lịch được sử dụng rộng rãi trong sinh hoạt lễ nghi truyền thống. Tuy nhiên, việc ghi nhớ ngày mất theo âm lịch hay dương lịch là một tập quán về cách xác định thời gian, không phải yếu tố quyết định giá trị đạo hiếu của ngày tưởng niệm. Điều quan trọng vẫn là tấm

lòng và cách gia đình tổ chức việc tưởng nhớ.

4. GIỖ CHẠP – TỪ VIỆC TƯỢNG NIỆM RIÊNG ĐẾN SINH HOẠT CHUNG CỦA DÒNG HỌ

Trong bốn thuật ngữ đang khảo cứu, *giỗ chap* có phạm vi nghĩa rộng nhất. Người Việt nói *lo việc giỗ chap, giữ gìn giỗ chap, đến mùa giỗ chap* hoặc con cháu *phải biết giỗ chap* ông bà. Trong những trường hợp này, *giỗ chap* không chỉ nói về một ngày mất cụ thể, mà bao gồm nhiều công việc tưởng niệm tổ tiên và duy trì quan hệ thân tộc.

Yếu tố **giỗ** đã được giải thích ở trên. Còn **chap** là một từ có quan hệ với cách gọi tháng Chạp, tức tháng cuối cùng của năm âm lịch. Trong truyền thống Hán văn, chữ 臘 (lap) gắn với những lễ tế cuối năm; trong tiếng Việt, **chap** còn xuất hiện trong các cách nói như *chap mả*, chỉ việc thăm viếng, sửa sang phần mộ và tưởng nhớ người đã khuất vào dịp cuối năm.

Mối liên hệ giữa **chap**, tháng Chạp và các lễ nghi cuối năm giúp chúng ta hiểu thêm bối cảnh văn hóa của từ *giỗ chap*. Tuy nhiên, cần thận trọng về mặt ngữ nguyên: chỉ từ sự gần gũi về ý nghĩa chưa đủ để khẳng định mọi cách dùng của tiếng **chap** trong từ ghép *giỗ chap* đều có cùng một quá trình hình thành. Muốn xác định đầy đủ lịch sử của từ ghép này, còn cần đối chiếu các từ điển cổ, tư liệu chữ Nôm và cách sử dụng tại từng địa phương.

Trong đời sống hiện nay, *giỗ chap* đã trở thành một cách nói khái quát về các việc tưởng niệm người đã khuất trong gia đình và dòng họ. Nếu *giỗ* thường hướng đến một người cụ thể, thì *giỗ chap* gọi ra cả một hệ thống trách nhiệm: ghi nhớ ngày mất, chăm sóc phần mộ, tổ chức việc tưởng niệm, quy tụ con cháu và truyền lại ký ức gia đình cho các thế hệ tiếp theo.

Vì thế, câu nói con cháu không được quên *giỗ chap* không chỉ nhắc đến việc sửa soạn mâm cơm hay thắp hương đúng ngày, mà còn nhắc đến bốn phận giữ gìn mối dây liên kết giữa các thế hệ, để những người đi trước không bị lãng quên trong đời sống của người đang sống.

5. GIỖ ĐẦU, GIỖ HẾT, 49 NGÀY VÀ 100 NGÀY – CẦN PHÂN BIỆT CÁC MỐC TUỞNG NIỆM

Khi bàn về ngày giỗ, một vấn đề dễ gây nhầm lẫn là việc sử dụng chữ giỗ cho nhiều mốc thời gian sau khi một người qua đời. Ngoài ngày giỗ hằng năm, người Việt còn nói đến giỗ 49 ngày, giỗ 100 ngày, giỗ đầu, giỗ hết hoặc giỗ giáp năm. Những cách gọi này có liên hệ với lịch sử tang lễ, nhưng không hoàn toàn giống nhau về nguồn gốc và ý nghĩa.

Giỗ đầu là ngày giỗ lần thứ nhất, khi người quá cố qua đời tròn một năm, còn gọi là *tiểu tường* (小祥). Đây là dịp con cháu tưởng nhớ người đã khuất khi nỗi đau mất mát còn gần gũi, nên lễ giỗ đầu thường được cử hành trang nghiêm, mang đậm không khí tang chế hơn những ngày giỗ về sau.

Giỗ hết là ngày giỗ lần thứ hai, khi người quá cố qua đời tròn hai năm, còn gọi là *đại tường* (大祥), đánh dấu việc kết thúc một giai đoạn quan trọng của thời kỳ chịu tang. Tên gọi giỗ hết gắn với quan niệm hết tang, khi con cháu dần trở lại nếp sinh hoạt bình thường. Tuy nhiên, trong lễ nghi Nho giáo cổ truyền, lễ đại tường và lễ *trừ phục* (除服, bỏ tang phục) không phải lúc nào cũng trùng nhau; có truyền thống còn thực hiện lễ *đạm* (禫) sau đại tường mới hoàn tất việc mãn tang.

Giỗ 49 ngày hay còn gọi là *thất thất* có ba cách lý giải:

– Thứ nhất, theo Phật giáo. Trong Phật giáo *Thượng tọa bộ* (上座部, Theravada) tại Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia..., có quan niệm rằng người qua đời với phẩm hạnh trung bình sẽ tái sinh làm người sau khoảng mười tháng. Truyền thống này không có tục cúng bảy tuần thất hoặc cúng một trăm ngày như trong một số cộng đồng Phật giáo Đại thừa.

Trong Phật giáo Đại thừa (大乘) tại Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Tạng, Mông Cổ và Việt Nam, *A-tì-đạt-ma-câu-xá luận* (阿毗達磨俱舍論) đề cập đến thân trung ấm, tức trạng thái trung gian giữa cái chết và lần tái sinh tiếp theo, có thể kéo dài qua bảy tuần thất. Theo cách lý

giải này, người có phẩm hạnh cực thiện được tái sinh về cõi người, cõi trời hoặc cõi Phật; người cực ác có thể rơi vào địa ngục, ngạ quỷ hoặc súc sinh; còn người có phẩm hạnh trung bình có thể tái sinh ngay hoặc muộn nhất vào ngày thứ 49.

Từ đó hình thành nghi thức cúng tuần thất, từ tuần thứ nhất đến tuần thứ bảy. Tại một số địa phương miền Bắc, tuần thất thứ năm (35 ngày) và thứ bảy (49 ngày) được coi trọng; trong khi tại một số địa phương miền Nam, tuần thất thứ ba (21 ngày) và thứ bảy (49 ngày) được chú ý hơn. Việc cúng thất gắn với hai ý nghĩa: *hộ niệm* (護念), giúp người sắp qua đời giữ chánh niệm, nhắc nhở hương linh nhận thức về *vô ngã* (無我), buông bỏ những chấp trước để tái sinh; đồng thời người thực hiện việc cúng dường cũng được cho là nhận phước báo.

– Thứ hai, theo Đạo giáo. Con người được quan niệm có tam hồn thất phách, tức ba hồn bảy vía. Sau khi qua đời, mỗi tuần mất đi một vía; hết bảy tuần thì bảy vía đều mất. Vì vậy, người ta cúng mỗi tuần để hỗ trợ hương linh và kết thúc vào ngày thứ 49. Có nơi thực hiện việc cúng hằng ngày cho đến khi mãn thất, với quan niệm lúc ấy hương linh đã đi đầu thai.

– Thứ ba, theo quan niệm âm dương. Chữ *thất* (七) ban đầu được giải thích với nghĩa cắt đứt, về sau được mượn để biểu thị số bảy. Có cách chiết tự xem nét dọc cắt ngang là ranh giới giữa âm và dương:

“Thất, dương chi chính dã. Thung thất, vi âm thung trung tà xuất dã.” (七，陽之正也。從一，微陰從中裛出也。)

Theo cách giải thích này, chữ thất được liên hệ với sự phân chia âm dương. Trong phong tục dân gian Trung Hoa có câu:

“Cổ nhân tử hậu, mỗi thất thiên nhất tế, tục xưng ‘thất’, chí thất thất tứ thập cửu nhật, xưng vi ‘mãn thất.’” (故人死後，每七天一祭，俗稱“七”，至七七四十九日，稱為“滿七”。)

Nghĩa là sau khi một người qua đời, cứ bảy ngày tổ chức một lần tế lễ, gọi là thất; đến lần thứ bảy, tức ngày thứ 49, gọi là *mãn thất* (滿七).

Như vậy, tục cúng tuần thất có liên hệ với Phật giáo Đại thừa, Đạo giáo và những quan niệm âm dương trong tín ngưỡng dân gian Trung Hoa. Đây không đơn thuần là một mốc tưởng niệm như ngày giỗ hằng năm, mà còn gắn với những quan niệm riêng về tình trạng người chết, sự tồn tại của hương linh và quá trình tái sinh.

Những quan niệm tín ngưỡng ấy không phù hợp với đức tin Kitô giáo. Vì vậy, người Công giáo không có bốn phận thực hành các lễ cúng tuần thất, từ nhất thất đến thất thất, theo những quan niệm nói trên. Cần phân biệt việc tưởng nhớ, cầu nguyện cho người đã qua đời với việc thực hiện những nghi thức dựa trên niềm tin về thân trung ấm, tam hồn thất phách hoặc sự tái sinh sau 49 ngày.

Giỗ 100 ngày, còn gọi là bách nhật (百日), có những cách lý giải sau:

– **Thứ nhất, theo tập tục tang lễ xưa.** Người xưa quan niệm con người ở trong bụng mẹ khoảng chín tháng, nên sau khi mất, thi hài được quàn thêm khoảng ba tháng, tức 100 ngày, cho đủ một năm. Để bảo quản thi hài, người giàu có sử dụng *quan quách* (棺槨), gồm quan tài bên trong và quách bao bọc bên ngoài, thường được làm bằng hợp chất vôi, vữa, mật và chất dẻo. Theo lễ chế Trung Hoa thời Chu, quan tài của hoàng đế có bốn lớp, quý tộc ba lớp, người giàu hai lớp và dân thường một lớp. Trong thời gian quàn thi hài, thân nhân thay nhau túc trực, khóc thương người quá cố.

Dân thường không có điều kiện quàn thi hài đến 100 ngày, thường phải an táng sau vài ngày. Tuy nhiên, họ vẫn muốn thực hiện lễ *tốt khóc* (卒哭), nghĩa là thôi khóc, vào ngày thứ 100, nên tổ chức lễ tưởng niệm và gọi là giỗ 100 ngày.

– Thứ hai, theo quan niệm đạo hiếu. Trong chương *Thứ nhân* (庶人) của *Hiếu Kinh* (孝經), Đức Khổng Tử dạy Tăng Tử:

“*Cố tự thiên tử chí ư thứ nhân, hiếu vô chung thủy, nhi hoạn bất cập giả, vị chi hữu dã.*” (故自天子至於庶人，孝無終始，而患不及者，未之有也。)

Nghĩa là: “Cho nên, từ vua cho đến dân thường, chưa có ai mà chữ hiếu chẳng

trộn vụn trước sau mà tai họa lại không ập đến, đó là điều chưa có vậy.”

Theo cách hiểu này, giỗ 100 ngày thuộc phạm vi văn hóa và đạo hiếu, không nhất thiết mang ý nghĩa tín ngưỡng. Vì vậy, người Công giáo Việt Nam có thể xin dâng Thánh lễ nhân dịp 100 ngày để tưởng nhớ và cầu nguyện cho người đã qua đời.

Ngày nay, tùy phong tục gia đình, việc mãn tang có thể được thực hiện sau 100 ngày, một năm hoặc hai năm. Việc chịu tang phát xuất từ lòng biết ơn. Chữ *ân* (恩) gồm chữ *nhân* (因) và bộ *tâm* (心), có thể được diễn giải qua hình ảnh một người lớn (*đại* 大) nằm trong khuôn hình chiếc chiếu (*vi* 匚), gợi ý nghĩa yên lòng. Theo cách lý giải ấy, lễ giỗ 100 ngày hay giỗ giáp năm là dịp thể hiện lòng biết ơn và tìm sự an lòng trước mất mát.

Trong đời sống Công giáo, tâm tình ấy còn được diễn tả qua lời nguyện trong Thánh lễ:

“Xin Chúa cũng nhớ đến anh chị em chúng con đang an nghỉ trong niềm hy vọng sống lại, và mọi người, đặc biệt các bậc tổ tiên, ông bà, cha mẹ và thân bằng quyến thuộc chúng con đã ly trần trong tình thương của Chúa. Xin cho hết thảy được vào hưởng ánh sáng Tôn Nhan Chúa.”

Lời nguyện thể hiện lòng tưởng nhớ và biết ơn của người đang sống đối với những người đã qua đời, không chỉ ông bà, cha mẹ mà còn cả vợ chồng, anh chị em, thân bằng quyến thuộc và những người khác trong xã hội.

6. VÌ SAO GIỖ CHẠP KHÔNG ĐỒNG NGHĨA VỚI THỜ PHƯỢNG TỔ TIÊN?

Đây là điểm đặc biệt cần làm sáng tỏ khi đọc các thuật ngữ truyền thống trong bối cảnh *Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên* (2025).

Trong ngôn ngữ dân gian, người Việt thường nói cúng giỗ, cúng ông bà, thờ tổ tiên hoặc thờ cúng tổ tiên. Những cách nói ấy đã được sử dụng qua nhiều thế hệ, trong những hoàn cảnh văn hóa và tín ngưỡng khác nhau. Vì vậy, không thể chỉ dựa vào chữ cúng hay thờ để xác định nội dung đức tin của người thực hành.

Trong thần học Công giáo, cần phân biệt sự thờ phượng dành riêng cho

Thiên Chúa với việc tôn kính, tưởng nhớ và cầu nguyện cho người đã qua đời. Việc kính nhớ ông bà, cha mẹ thể hiện lòng hiếu thảo, biết ơn và mối hiệp thông giữa các thế hệ trong gia đình.

Ngày giỗ của một gia đình Công giáo có thể được cử hành bằng việc xin dâng Thánh lễ cầu cho người quá cố, đọc kinh tại gia đình, thăm viếng phần mộ, nhắc lại những kỷ niệm tốt đẹp, thực hiện việc bác ái và tổ chức bữa cơm sum họp thân tộc. Những việc ấy mang giá trị đạo hiếu, không tự chúng cấu thành hành vi thờ phượng tổ tiên.

Do đó, một nghi thức truyền thống cần được xem xét không chỉ qua tên gọi hay hình thức bên ngoài, mà còn qua ý nghĩa của việc thực hành. Cùng là ngày giỗ, có gia đình chú trọng việc dâng lễ vật theo quan niệm tín ngưỡng dân gian, có gia đình xem đó là dịp tưởng niệm và đoàn tụ, còn gia đình Công giáo có thể đặt trọng tâm vào việc cầu nguyện cho người đã khuất trong niềm tin vào sự sống lại.

Sự phân biệt này không nhằm phủ nhận giá trị của phong tục truyền thống, mà giúp người Công giáo gìn giữ những nét đẹp văn hóa dân tộc và thực hành đạo hiếu phù hợp với đức tin.

7. GIỖ CHẠP – NƠI KÝ ỨC GIA ĐÌNH ĐƯỢC TRAO TRUYỀN

Nếu chỉ xem ngày giỗ là một nghi lễ dành cho người đã khuất, chúng ta sẽ chưa thấy hết ý nghĩa của phong tục này đối với người đang sống. Ngày giỗ còn là dịp để những người cùng huyết thống gặp gỡ, nhận biết quan hệ họ hàng, nhắc lại lịch sử gia đình và trao truyền những câu chuyện về các thế hệ đi trước.

Một đứa trẻ có thể chưa từng gặp ông cố, bà cố, nhưng qua ngày giỗ, em được nghe kể về cuộc đời, tính cách, công việc và những điều tốt đẹp mà các bậc tiền nhân để lại. Nhờ đó, ký ức về người đã khuất không chỉ được lưu giữ trong gia phả hay trên bài vị, mà còn tiếp tục hiện diện qua lời kể và cách sống của con cháu.

Ý nghĩa ấy cũng được thể hiện trong tục tảo mộ và tục thờ kính tổ tiên ngày Tết. Tuy có nguồn gốc và cách biểu hiện khác nhau, những phong

tục này đều phản ánh một nét chung của văn hóa Việt Nam: duy trì sự gắn bó giữa các thế hệ và gìn giữ lòng biết ơn đối với người đi trước.

Tuy nhiên, giá trị của giỗ chạp không nằm ở sự cầu kỳ của mâm cỗ, số người tham dự hay chi phí tổ chức. Một ngày giỗ đơn sơ, được chuẩn bị bằng lòng thành kính, có sự sum họp của con cháu và những lời cầu nguyện chân thành vẫn có thể diễn tả đầy đủ ý nghĩa tưởng niệm. Ngược lại, một cuộc giỗ linh đình nhưng thiếu sự hòa thuận trong gia đình thì khó thể hiện trọn vẹn tinh thần đạo hiếu.

8. PHÂN BIỆT BỐN THUẬT NGŨ

Có thể tóm lược ý nghĩa và cách sử dụng bốn thuật ngữ như sau:

Giỗ (𣦵): Từ thuần Việt, chỉ ngày tưởng niệm người đã khuất và việc tổ chức tưởng niệm.

Kỵ (忌): Từ Hán Việt, vốn mang nghĩa kiêng tránh; trong lễ nghi chỉ ngày mất được tưởng nhớ.

Kỵ nhật (忌日): Từ Hán Việt, nghĩa là ngày mất hoặc ngày tưởng niệm người quá cố.

Giỗ chạp: Cách nói tiếng Việt mang nghĩa khái quát về các việc tưởng niệm tổ tiên, liên hệ với truyền thống lễ nghi cuối năm.

Bốn thuật ngữ trên có quan hệ gần gũi nhưng không hoàn toàn đồng nghĩa. Giỗ và kỵ thường chỉ một ngày tưởng niệm cụ thể; kỵ nhật mang sắc thái trang trọng, thích hợp với việc ghi chép ngày mất trong gia phả và văn bản lễ nghi; còn giỗ chạp có nghĩa rộng hơn, bao quát những sinh hoạt tưởng niệm tổ tiên trong gia đình và dòng họ.

LỜI KẾT

Từ *giỗ* đến *kỵ*, *kỵ nhật* và *giỗ chạp*, mỗi cách gọi đều lưu giữ một nét nghĩa trong văn hóa Việt Nam. Giỗ gợi nhớ bữa cơm gia đình và tình thương đối với người đã khuất; kỵ nhấn mạnh sự trang nghiêm trước ngày mất; kỵ nhật là cách ghi nhớ ngày ấy trong lịch sử gia đình; còn giỗ chạp bao quát việc gìn giữ ký ức và mối liên kết giữa các thế hệ.

Theo truyền thống đạo hiếu, những việc ấy bắt nguồn từ lòng biết ơn đối với người đã khuất, bởi tuy không còn hiện diện nhưng công lao và ảnh hưởng của họ vẫn tiếp tục trong đời sống con cháu. Đối với người Công giáo, ngày giỗ còn là dịp cầu nguyện cho người quá cố, cảm tạ Thiên Chúa về những điều tốt đẹp đã lãnh nhận qua ông bà, cha mẹ và nhắc nhở nhau sống xứng đáng với di sản tinh thần của gia đình.

Vì vậy, giỗ chạp không nhất thiết đồng nghĩa với thờ phượng tổ tiên, mà trước hết có thể là một cách thực hành đạo hiếu, tưởng nhớ người quá cố và gìn giữ tình nghĩa gia đình. Hiếu đúng những thuật ngữ này giúp người Công giáo Việt Nam tiếp tục sống đức tin trong lòng văn hóa dân tộc, vừa trân trọng truyền thống hiếu kính, vừa phân biệt rõ việc tôn kính tổ tiên với sự thờ phượng dành riêng cho Thiên Chúa.

Tài liệu tham khảo và ghi chú

Nguyễn Hạnh, *Thực hành Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nhà xuất bản Trẻ, 2023, đặc biệt bài “Cư tang – Giỗ”, tr. 48–59; tham khảo thêm các bài “Cửu huyền thất tổ”, “Tục tảo mộ ngày Tết của người Việt” và “Tục thờ kính tổ tiên ngày Tết”.

Paulus Huỳnh Tịnh Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, tập I, Sài Gòn, 1895, tr. 379, mục từ “Giỗ” (咄); dẫn theo Nguyễn Hạnh, sách đã dẫn, tr. 54.

Hiếu kinh (孝經), chương *Tang thân* (喪親), đặc biệt câu “Sinh sự ái kính, tử sự ai thích” (生事愛敬, 死事哀戚).

Lễ ký (禮記), thiên *Tế nghĩa* (祭義), câu “Quân tử hữu chung thân chi tang, kỵ nhật chi vị dã” (君子有終身之喪, 忌日之謂也).

Văn kiện Hướng dẫn việc Tôn kính Tổ tiên, 2025, dùng làm bối cảnh mục vụ cho việc giải thích các thuật ngữ.